

Số: 3438 /NHNo - HSX

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2015

V/v Cho vay tái canh cà phê  
bằng nguồn tái cấp vốn của NHNN

**Kính gửi: Giám đốc Sở giao dịch, chi nhánh loại I, loại II**

Triển khai chỉ đạo của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước tại văn bản số 3227/NHNN-TD ngày 11/05/2015: “Hướng dẫn cho vay tái canh cà phê tại các tỉnh khu vực Tây Nguyên” và văn bản số 3229/NHNN-TD ngày 11/05/2015 về việc “Triển khai chính sách cho vay tái canh cà phê tại các tỉnh khu vực Tây Nguyên giai đoạn 2014 – 2020”, Tổng giám đốc hướng dẫn thực hiện như sau:

**1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1.1. Phạm vi: Cho vay tái canh cà phê được thực hiện tại địa bàn các tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên, bao gồm: Lâm Đồng, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai và Kon Tum, theo 02 phương pháp trồng tái canh cà phê và ghép cải tạo cà phê.

1.2. Đối tượng vay vốn: Các tổ chức, cá nhân thực hiện tái canh cà phê tại địa bàn các tỉnh khu vực Tây Nguyên (sau đây gọi chung là khách hàng).

1.3. Chính sách cho vay tái canh cà phê này chỉ áp dụng đối với các hợp đồng vay vốn tái canh cà phê được ký trước thời điểm ngày 31/12/2020.

**2. Điều kiện vay vốn**

Ngoài các điều kiện cho vay theo quy định hiện hành của Agribank, khách hàng vay tái canh cà phê phải có tên trong danh sách thực hiện tái canh cà phê trên địa bàn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với Đề án tái canh cà phê tại các tỉnh vùng Tây Nguyên giai đoạn 2014 - 2020 được ban hành theo Quyết định số 4521/QĐ-BNN-TT ngày 21/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (có văn bản kèm theo).

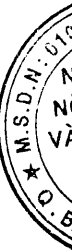
**3. Mức cho vay**

Mức cho vay do Agribank nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận nhưng tối đa là 150 triệu đồng/ha đối với phương pháp trồng tái canh cà phê và 80 triệu đồng/ha đối với phương pháp ghép cải tạo cà phê.

**4. Thời hạn cho vay**

4.1. Đối với phương pháp trồng tái canh cà phê: Thời hạn cho vay tối đa 08 năm, trong đó thời gian ân hạn trả nợ gốc và lãi là 04 năm tính từ thời điểm Agribank nơi cho vay và khách hàng ký hợp đồng vay vốn.

4.2. Đối với phương pháp ghép cải tạo cà phê: Thời hạn cho vay tối đa là 04 năm, trong đó thời gian ân hạn trả nợ gốc và lãi là 02 năm tính từ thời điểm Agribank nơi cho vay và khách hàng ký hợp đồng vay vốn.



*[Handwritten signatures]*

4.3. Trường hợp khách hàng có nguồn thu trong thời gian đầu tái canh thì Agribank nơi cho vay có thể thỏa thuận với khách hàng thời gian ân hạn thấp hơn thời gian quy định tại điểm 4.1 và 4.2.

## **5. Lãi suất cho vay**

5.1. Lãi suất cho vay trong thời gian ân hạn trả nợ gốc và lãi do Ngân hàng Nhà nước công bố hàng năm nhưng không vượt quá 7%/năm.

Riêng lãi suất cho vay đối với khoản dư nợ trong thời gian ân hạn của ngân hàng đối với khách hàng trong năm 2015 là 7%/năm.

5.2. Lãi suất cho vay sau thời gian ân hạn trả nợ gốc và lãi do Ngân hàng Nhà nước công bố hàng năm cộng biên độ 2,5%/năm.

5.3. Đối với hợp đồng cho vay tái canh cà phê tại các tỉnh khu vực Tây Nguyên đã được Agribank nơi cho vay và khách hàng ký trước thời điểm văn bản này có hiệu lực còn trong thời gian ân hạn theo cách tính quy định tại mục 4 nêu trên và đáp ứng các điều kiện vay vốn quy định tại văn bản này, Agribank nơi cho vay và khách hàng có thể xem xét, thỏa thuận ký phụ lục bổ sung, điều chỉnh để được áp dụng các quy định lãi suất cho vay tại điểm 5.1 và 5.2 đối với phần dư nợ còn lại của khoản vay.

5.4. Lãi suất nợ quá hạn do Agribank nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận theo quy định của pháp luật và được quy định cụ thể trong hợp đồng vay vốn.

## **6. Bảo đảm tiền vay, phân loại nợ và xử lý rủi ro**

6.1. Agribank nơi cho vay xem xét và quyết định việc cho vay có bảo đảm hoặc không có bảo đảm bằng tài sản theo quy định hiện hành của Agribank.

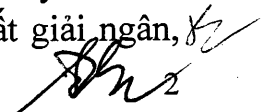
6.2. Agribank nơi cho vay thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định hiện hành của Agribank.

## **7. Giải ngân, kiểm tra mục đích sử dụng vốn**

7.1. Agribank nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận thời gian, hình thức giải ngân phù hợp với chi phí thực tế phát sinh của quá trình tái canh và các quy định hiện hành.

7.2. Khi giải ngân khoản vay Agribank nơi cho vay phải kiểm tra mục đích sử dụng tiền vay; kiểm tra việc thực hiện các điều kiện đã thỏa thuận, cam kết trong hợp đồng vay vốn; hợp đồng bảo đảm tiền vay; kiểm tra chứng từ giải ngân theo quy định. Agribank nơi cho vay chỉ giải ngân tiền vay khi đáp ứng đủ điều kiện theo thỏa thuận tại hợp đồng vay vốn.

7.3. Từ lần giải ngân thứ hai, mỗi lần giải ngân, Người quản lý khoản vay phải xem xét đánh giá các nội dung theo điểm 7.1, điểm 7.2 và lập báo cáo đề xuất giải ngân hay không giải ngân (nêu rõ lý do). Người kiểm soát khoản vay kiểm soát báo cáo đề xuất giải ngân, điều kiện giải ngân nêu ý kiến đồng ý hay không đồng ý giải ngân (nêu rõ lý do) trình Người phê duyệt khoản vay nơi cho vay phê duyệt. Người phê duyệt khoản vay căn cứ báo cáo đề xuất giải ngân,



nêu ý kiến đồng ý hay không đồng ý giải ngân (nêu rõ lý do) hoặc yêu cầu báo cáo rõ thêm về các điều kiện, nội dung giải ngân. Khách hàng và Agribank nơi cho vay lập giấy nhận nợ cho từng lần giải ngân.

7.4. Trường hợp khách hàng sử dụng vốn không đúng mục đích, vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn (bao gồm cả các khoản vay phê duyệt của Agribank cấp trên), Agribank nơi cho vay được quyền và có trách nhiệm ngừng giải ngân để xử lý theo hợp đồng vay vốn đã ký.

## 8. Phân kỳ trả nợ gốc và lãi

Agribank nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận phương thức thu nợ gốc và lãi (bao gồm cả khoản lãi chưa thanh toán trong thời gian ân hạn) phù hợp với nguồn thu của phương án tái canh và khả năng trả nợ của khách hàng. Tránh tình trạng xác định số tiền trả nợ tập trung vào một hoặc một số kỳ, đặc biệt là kỳ trả nợ sau cùng gây khó khăn cho khách hàng và rủi ro cho Agribank.

### 8.1. Đối với Hợp đồng vay vốn giải ngân một lần.

Căn cứ vào thời hạn cho vay thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn và ngày thực tế giải ngân, Người quản lý khoản vay xác định ngày trả nợ (gốc, lãi), phương thức thanh toán vào giấy nhận nợ hoặc phân theo dõi phát tiền vay và kỳ hạn trả nợ trên hợp đồng vay vốn. Giao dịch viên đăng ký kỳ hạn trả nợ trên hệ thống IPCAS.

### 8.2. Đối với hợp đồng vay vốn giải ngân từ hai lần trở lên.

#### a) Nếu xác định được kỳ hạn trả nợ cho từng lần nhận nợ:

- Người quản lý khoản vay cùng khách hàng xác định kỳ hạn trả nợ trên Giấy nhận nợ;

- Giao dịch viên/Người quản lý khoản vay thực hiện đăng ký kỳ hạn trả nợ trên hệ thống IPCAS.

#### b) Nếu chưa xác định được kỳ hạn trả nợ cho từng lần nhận nợ:

- Người quản lý khoản vay cùng khách hàng xác định kỳ hạn trả nợ trên Giấy nhận nợ là ngày trả nợ cuối cùng theo hợp đồng vay vốn;

- Giao dịch viên/Người quản lý khoản vay tạm thời đăng ký trên hệ thống IPCAS ngày trả nợ cuối cùng theo Giấy nhận nợ;

- Sau khi kết thúc giải ngân Người quản lý khoản vay và khách hàng xác định lại kỳ hạn trả nợ, chuyển Người kiểm soát khoản vay kiểm soát và trình người có thẩm quyền cùng khách hàng ký phụ lục hợp đồng vay vốn về kế hoạch trả nợ; Nội dung "Kỳ hạn trả nợ chính thức được xác định trên Phụ lục hợp đồng vay vốn sau khi kết thúc giải ngân" phải được thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn.

686  
ÂN  
NG M  
PHÁ  
ÔNG  
VIỆT  
ĐÌNH

- Giao dịch viên/Người quản lý khoản vay căn cứ vào các kỳ hạn trả nợ đã được xác định trong Phụ lục hợp đồng vay vốn để định kỳ hạn trả nợ trên hệ thống IPCAS.

\* Giám đốc Agribank nơi cho vay quy định Giao dịch viên hoặc Người quản lý khoản vay thực hiện đăng ký kỳ hạn trả nợ trên hệ thống IPCAS.

## **9. Quy trình cho vay, bộ hồ sơ cho vay**

9.1. Đối với khách hàng là Doanh nghiệp, Hợp tác xã: Bộ hồ sơ cho vay, Quy trình cho vay thực hiện theo Quyết định 766/QĐ-NHNo-KHDN ngày 01/8/2014 của Tổng Giám đốc Quy trình cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp.

9.2. Đối với khách hàng là hộ gia đình, cá nhân: Bộ hồ sơ cho vay, Quy trình cho vay thực hiện theo Quyết định 836/QĐ-NHNo-HSX ngày 07/8/2014 của Tổng Giám đốc Quy trình cho vay đối với khách hàng là hộ gia đình, cá nhân.

9.3. Trên bộ hồ sơ đóng dấu "NGUỒN TÁI CẤP VỐN" và lưu riêng để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, quyết toán với Ngân hàng Nhà nước.

## **10. Tổ chức thực hiện**

10.1. Văn bản này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; mọi sửa đổi, bổ sung văn bản này do Tổng giám đốc quyết định.

10.2. Trung tâm Công nghệ Thông tin có trách nhiệm xây dựng phần mềm quản lý sản phẩm phù hợp, hướng dẫn các đơn vị triển khai sản phẩm trên hệ thống IPCAS.

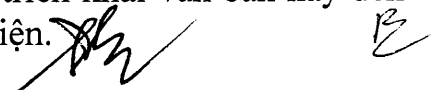
10.3. Ban Tài chính Kế toán và Ngân quỹ hướng dẫn hạch toán và quản lý việc cho vay tái canh cà phê bằng nguồn tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước theo quy định.

10.4. Ban Kế hoạch, Nguồn vốn (đầu mối) phối hợp với Trung tâm Thanh toán và các đơn vị có liên quan thực hiện thanh quyết toán nguồn tái cấp vốn với Chi nhánh và Ngân hàng Nhà nước theo quy định.

Định kỳ hàng năm (trước ngày 05/12) Ban Kế hoạch – Nguồn vốn tham mưu cho Tổng giám đốc báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ) về lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng tại thời điểm 30/11 hàng năm để làm cơ sở cho Ngân hàng Nhà nước xác định lãi suất cho vay tái canh cà phê áp dụng cho năm tiếp theo.

10.5. Giám đốc chi nhánh loại I, loại II trên địa bàn Tây Nguyên

- Phối hợp với chính quyền địa phương, các Ban, Ngành chức năng nắm bắt và thông báo cho Chi nhánh, Phòng giao dịch trực thuộc biết Quy hoạch tái canh cà phê chi tiết thuộc địa bàn quản lý. Tổ chức triển khai văn bản này đến toàn thể cán bộ, viên chức trong đơn vị biết và thực hiện.



- Xây dựng phương án vốn cho nhu cầu tái canh cà phê chi tiết theo địa bàn phụ trách cho từng năm (từ năm 2015 đến hết năm 2020) theo Mẫu số 01/TCCP-HSX và báo cáo Agribank qua Ban Khách hàng Hộ sản xuất và Cá nhân trước ngày 30/6/2015.

- Định kỳ chậm nhất vào ngày 05 của tháng liền kề sau tháng báo cáo (*bắt đầu thực hiện từ ngày ban hành văn bản này*), báo cáo tình hình triển khai cho vay tái canh cà phê theo Mẫu số 02/TCCP-HSX và những khó khăn vướng mắc về Ban Khách hàng Hộ sản xuất và Cá nhân.

10.6. Ban Khách hàng Hộ sản xuất và Cá nhân làm đầu mối phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn thực hiện, giải đáp khó khăn vướng mắc và tổng hợp báo cáo Tổng giám đốc, Ngân hàng Nhà nước.

10.7. Những nội dung khác liên quan đến quy định cho vay đối với khách hàng không đề cập trong hướng dẫn này Agribank nơi cho vay thực hiện theo quy định hiện hành của Agribank. 12

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Vụ: TD các ngành kinh tế, Chính sách TT;
- Cơ quan Thanh tra GS NHNN;
- Hội đồng thành viên (để báo cáo);
- Tổng Giám đốc và các PTGD (để báo cáo);
- Ban Kiểm soát;
- Văn phòng ĐD các khu vực;
- Các Ban, Trung tâm tại Trụ sở chính;
- Lưu: VP, PC, TH, HSX.



*Đặng Văn Quang*

NGÂN HÀNG N& PTNT VIỆT NAM  
CHI NHÁNH:

Mẫu số 02/TCCP-HSX

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CHO VAY TÁI CANH CÀ PHÊ  
TẠI CÁC TỈNH KHU VỰC TÂY NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2014 -2020**

(Theo Công văn số 3438 /NHNo-HSX ngày 05/6/2015)

Tháng .... Năm 20

Đơn vị: triệu đồng, khách hàng, hecta

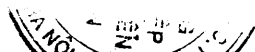
STT	Chỉ tiêu	Cam kết cho vay			Số dư đầu kỳ	Doanh số cho vay trong kỳ	Doanh số thu nợ trong kỳ	Dư nợ trong thời gian ân hạn	Dư nợ ngoài thời gian ân hạn	Số khách hàng còn dư nợ		Diện tích đã tái canh
		Số tiền	Diện tích tái canh	Khách hàng						Tổ chức	Cá nhân	
I	Trồng tái canh											
1	Hộ GD, CN											
2	Tổ chức											
II	Ghép cải tạo											
1	Hộ GD, CN											
2	Tổ chức											
	Tổng cộng											

..... Ngày... tháng... năm 20...

Lập biểu

Kiểm soát

Giám đốc



NGÂN HÀNG No& PTNT VIỆT NAM

Mẫu số 01/TCCP-HSX

CHI NHÁNH:

**ĐĂNG KÝ NHU CẦU VỐN TÁI CANH CÀ PHÊ**  
**TẠI CÁC TỈNH KHU VỰC TÂY NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2014 -2020**  
(Theo Công văn số 3438 /NHNo-HSX ngày 05/ 6 /2015)

Đơn vị: triệu đồng, khách hàng, hecta

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015			Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020		
		Số tiền	Số KH	Diện tích	Số tiền	Số KH	Diện tích	Số tiền	Số KH	Diện tích	Số tiền	Số KH	Diện tích	Số tiền	Số KH	Diện tích	Số tiền	Số KH	Diện tích
I	Trồng tái canh																		
1	Hộ GD, CN																		
2	Tổ chức																		
II	Ghép cải tạo																		
1	Hộ GD, CN																		
2	Tổ chức																		
	Tổng cộng																		

..... Ngày... tháng... năm 20...

Lập biểu

Kiểm soát

Giám đốc